

Bản án số 05/2021/DSST  
Ngày 20-7-2021  
V/v Tranh chấp HĐ tín dụng

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG HINH, TỈNH PHÚ YÊN**  
***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Đông

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Hồng Thái;

2. Bà Bùi Thị Lùng.

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Lê Thị Mạ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:* Bà Bàn Thị Tiên - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Hinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2021 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST-DS ngày 09/7/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty A; địa chỉ liên hệ: Số M13 THĐ, thị trấn HR, huyện SH, tỉnh Phú Yên; do ông Dương Minh Hoàng H - Trưởng phòng Kinh doanh chi nhánh huyện SH, tỉnh Phú Yên đại diện theo văn bản ủy quyền số 91/GUQ-NHNo-SHi ngày 19/7/2021. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Vợ chồng ông Mã Cao Q sinh năm 1983, bà Nông Thị Đ sinh năm 1984. Có cùng địa chỉ: Thôn HS, xã SH, huyện SH, tỉnh Phú Yên. Điều vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 01 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Công ty A trình bày:*

Ngày 17/8/2018 công ty A, chi nhánh huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên cho vợ chồng ông Mã Cao Q bà Nông Thị Đ vay 100.000.000<sup>d</sup>, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 9,5%/năm (vay không có tài sản bảo đảm), định kỳ trả nợ: 17/8/2020 trả 10.000.000<sup>d</sup>; 17/8/2021 trả 90.000.000<sup>d</sup>; Khi vay tiền vợ chồng ông Q bà Đ giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 889461 do UBND huyện SH cấp ngày 07/4/2014 cho công ty A chi nhánh SH để chứng minh tài sản.

Sau khi vay tiền, ông Q bà Đ không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với công ty A chi nhánh huyện SH, tỉnh Phú Yên. Vì vậy công ty A yêu cầu Tòa án tuyên buộc: Vợ chồng ông Q bà Đ trả toàn bộ số nợ 122.906.000<sup>d</sup> (trong đó 100.000.000<sup>d</sup> tiền gốc, 22.906.000<sup>d</sup> tiền lãi tính đến ngày 07/01/2021) và tiền lãi phát sinh từ ngày 08/01/2021 đến ngày trả hết nợ.

Ngày 19/7/2021 và tại phiên tòa, đại diện công ty A rút phần yêu cầu khởi kiện đối với 90.000.000<sup>d</sup> gốc vay do chưa đến kỳ hạn trả nợ, yêu cầu Tòa xử buộc vợ chồng ông Q bà Đ trả 10.000.000<sup>d</sup> gốc vay, lãi của 100.000.000<sup>d</sup> tính đến 20/7/2021 là 28.261.000<sup>d</sup>, và lãi nợ quá hạn phát sinh từ ngày 21/7/2021 đối với khoản vay gốc 10.000.000<sup>d</sup> với mức lãi suất bằng 150% lãi suất trong hạn là  $9,5\% \times 150\% = 14,25\%/năm$ .

*Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Mã Cao Q, bà Nông Thị Đ đều vắng mặt nên không có lời trình bày.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hinh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về xét xử sơ thẩm; xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ mà vẫn vắng mặt lần thứ 2, nên tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 463, 466, 468 BLDS; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 25, Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của công ty A: Buộc vợ chồng ông Q bà Đ phải có trách nhiệm liên đới trả số nợ chung 38.261.000<sup>d</sup> (trong đó gốc là 10.000.000<sup>d</sup>, lãi vay phát sinh đến ngày 20/7/2021 là 28.261.000<sup>d</sup>) và lãi phát sinh kể từ ngày 21/7/2021 cho đến khi trả hết nợ. Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với phần yêu cầu đã rút.

Buộc các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua kiểm tra các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Công ty A chi nhánh huyện SH, tỉnh Phú Yên có đơn khởi kiện vợ chồng ông Mã Cao Q bà Nông Thị Đ cư trú tại thôn HS, xã SH, huyện SH, tỉnh Phú Yên. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật: Xét yêu cầu khởi kiện của công ty A đối với vợ chồng ông Q bà Đ thì đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định của Bộ luật dân sự 2015 và Luật các tổ chức tín dụng.

[3] Về thủ tục tố tụng: Vợ chồng ông Mã Cao Q bà Nông Thị Đ đã được tổng đạt hợp lệ (niêm yết, thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng) nhưng đều vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng và tại phiên tòa lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt vợ chồng ông Q bà Đ.

[4] Về nội dung tranh chấp: Trong toàn bộ quá trình tố tụng, Tòa án đã niêm yết, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo đúng quy định của pháp luật, nhưng vợ chồng ông Q bà Đ vẫn không có mặt, được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nên cần chấp nhận lời trình bày và các chứng cứ tài liệu của nguyên đơn về việc vợ chồng ông Mã Cao Q có vay 100.000.000 đồng đến nay chưa trả. Tuy nhiên, theo Phương án sử dụng vốn phục vụ nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh, Sổ vay vốn năm 2014 và tờ Theo dõi phát tiền vay và kỳ hạn trả nợ do công ty A cung cấp thể hiện ngân hàng cho vợ chồng ông Q chia làm hai kỳ trả gốc là ngày 17/8/2020 (10.000.000<sup>d</sup>) và 17/8/2021 (90.000.000<sup>d</sup>), nên đại diện nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với 90.000.000<sup>d</sup> tiền vay do chưa đến hạn trả nợ là tự nguyện và phù hợp nên đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với phần yêu cầu khởi kiện buộc ông Q bà Đ trả số tiền gốc vay 90.000.000<sup>d</sup>. Đối với phần yêu cầu khởi kiện buộc vợ chồng ông Q bà Đ trả 10.000.000<sup>d</sup> gốc vay và lãi phát sinh thấy rằng: Khoản tiền này đã quá kỳ trả nợ nhưng vợ chồng ông Q chưa trả nên có đủ cơ sở chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của công ty A, buộc ông Q bà Đ phải có trách nhiệm trả 10.000.000<sup>d</sup> gốc, tiền lãi vay phát sinh trên số nợ vay 100.000.000<sup>d</sup> theo quy định tại các Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 và khoản 2 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Cụ thể:

- Tiền nợ gốc đến kỳ trả là: 10.000.000<sup>d</sup>

- Lãi vay trong hạn:  $100.000.000^d \times 9,5\%/năm \times 372 \text{ ngày} + 90.000.000^d \times 9,5\%/năm \times 337 \text{ ngày} = 26.946.000^d$  (đã làm tròn số)

- Lãi vay quá hạn với mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn, đến ngày 20/7/2021 là:  $10.000.000^d \times 9,5\% \times 150\% \times 337 \text{ ngày} = 1.315.000$  (đã làm tròn số)

Tổng cộng 38.261.000<sup>d</sup> (đã làm tròn số) và lãi nợ quá hạn phát sinh theo mức  $9,5\% \times 150\% = 14,25\%/năm$  kể từ ngày 21/7/2021 trên số tiền gốc 10.000.000<sup>d</sup> cho đến khi trả hết nợ, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở.

[5] Về trách nhiệm trả nợ: Phương án sử dụng vốn phục vụ nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh và tờ Theo dõi phát tiền vay và kỳ hạn trả nợ đều thể hiện một mình ông Q đứng tên vay tiền, nhận tiền, tuy nhiên, Sổ vay vốn không có tài sản bảo đảm thể hiện ông Q đứng tên chủ hộ và bà Đ ký với tư cách thành viên từ đủ 18 tuổi trở lên trong hộ gia đình, được Ủy ban nhân dân xã SH xác nhận, mục đích vay là chăn nuôi bò phát triển kinh tế gia đình. Vì vậy, đối với khoản vay

này, có cơ sở xác định đây là khoản vay chung, vợ chồng ông Q bà Đ phải có trách nhiệm liên đới trả nợ theo quy định tại Điều 25, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về xử lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 889461 do UBND huyện SH cấp ngày 07/4/2014 cho vợ chồng ông Mã Cao Q bà Nông Thị Đ đang do công ty A giữ: Hợp đồng vay vốn giữa ngân hàng và vợ chồng ông Q bà Đ là hợp đồng không có tài sản bảo đảm, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này chỉ là chứng thư chứng minh quyền tài sản của vợ chồng ông Q với ngân hàng, ngân hàng và vợ chồng ông Q đều không có yêu cầu xem xét, vì vậy Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7] Về chi phí đăng phát thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Nguyên đơn công ty A phải chịu 3.033.000 (ba triệu không trăm ba mươi ba ngàn đồng) theo quy định tại Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn đã nộp đủ.

[8] Về án phí: Vợ chồng bị đơn ông Q bà Đ có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng là:  $38.261.000^d \times 5\% = 1.913.000^d$  theo quy định về án phí, lệ phí tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hoàn lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp trước.

[9] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 155, 156, 157, 180, 227, 228, 244, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 357, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 25, Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Đình chỉ giải quyết phần yêu cầu khởi kiện: buộc vợ chồng ông Mã Cao Q bà Nông Thị Đ phải trả 90.000.000<sup>d</sup> tiền gốc vay của nguyên đơn Công ty A, chi nhánh huyện SH, tỉnh Phú Yên.

Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty A, chi nhánh huyện SH, tỉnh Phú Yên:

Buộc bị đơn vợ chồng ông Mã Cao Q bà Nông Thị Đ phải có trách nhiệm liên đới trả cho công ty A, chi nhánh huyện SH, tỉnh Phú Yên tổng số tiền 38.261.000<sup>d</sup> (ba mươi tám triệu hai trăm sáu mươi một ngàn đồng, trong đó tiền gốc vay 10.000.000<sup>d</sup>, tiền lãi trong hạn 26.946.000<sup>d</sup>, lãi quá hạn 1.315.000<sup>d</sup>) và tiền lãi nợ quá hạn theo mức lãi suất 14.25%/năm kể từ ngày 21/7/2021 cho đến khi trả hết nợ gốc (10.000.000<sup>d</sup>).

Về chi phí đăng phát thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Nguyên đơn công ty A phải chịu 3.033.000 (ba triệu không trăm ba mươi ba ngàn đồng), nguyên đơn đã nộp đủ.

Về án phí: Ông Mã Cao Q bà Nông Thị Đ phải liên đới chịu 1.913.000<sup>d</sup> (một triệu chín trăm mười ba ngàn đồng). Hoàn trả cho công ty A, chi nhánh huyện SH, tỉnh Phú Yên 3.073.000<sup>d</sup> (ba triệu không trăm bảy mươi ba ngàn đồng) tạm ứng án phí nộp trước tại Biên lai thu tiền số 0005756 ngày 29/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND h.Sông Hinh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lương Thị Đông**

